

ĐỀ ÁN

**Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn
thành phố Đông Hà đến năm 2025**

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

Sau 5 năm thực hiện Kết luận số 03-KL/TU ngày 22/7/2016 của Thành ủy “về định hướng phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2016 - 2020” và Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 09/8/2016 của HĐND thành phố về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2020, lĩnh vực nông nghiệp đã đạt được một số kết quả quan trọng; đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp đô thị và phát triển các mô hình mới, góp phần nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp và cải thiện đời sống người nông dân trên địa bàn.

Đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 11/9/2020 của Thành ủy Đông Hà thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, UBND thành phố xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2025 nhằm tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị, chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo môi trường sinh thái và an toàn thực phẩm, phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp dịch vụ, du lịch, hoạt động trải nghiệm, tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tăng mạnh giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Trồng trọt năm 2018; Luật Chăn nuôi năm 2018; Luật Thủy sản năm 2017; Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030;
- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2025;
- Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi áp dụng

- Đề án tập trung vào một số chính sách hỗ trợ của thành phố nhằm đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ xây dựng các mô hình nông nghiệp có lợi thế trên địa bàn.
- Địa bàn thực hiện: Các phường thuộc thành phố Đông Hà.
- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp triển khai thực hiện: Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố; các trạm chuyên môn; Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT và các đoàn thể ở phường; Ban cán sự khu phố, HTX nông nghiệp trên địa bàn.
- Đối tượng sản xuất (hưởng lợi): Ưu tiên các HTX, tổ hợp tác, trang trại, gia trại, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp đảm bảo các điều kiện theo đúng nội dung đề án này.

Phần I**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020****I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC****1. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực****1.1. Vùng sản xuất lúa**

Diện tích canh tác lúa còn khoảng hơn 1.000 ha; thành phố đã hỗ trợ xây dựng mô hình cánh đồng lớn, mô hình lúa hữu cơ, lúa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đem lại hiệu quả khá cao, lợi nhuận tăng 15 - 20%.

1.2. Vùng sản xuất rau, hoa

Diện tích trồng rau, cây thực phẩm các loại khoảng 170 ha; đã chỉ đạo xây dựng vùng rau đạt tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 5 ha ở HTX Đông Thanh; xây dựng mô hình trồng rau trong nhà lưới (500m²) với giá trị thu nhập đạt trên 100 triệu đồng/500m²/năm, có khả năng nhân rộng trong thời gian tới.

Đã xây dựng quy hoạch chi tiết và đầu tư hoàn thành mặt bằng đưa vào sản xuất 2 ha; bước đầu xây dựng được 9 nhà màng trồng hoa; doanh thu trồng hoa hàng năm khoảng 3,5 - 4,5 tỷ đồng, lợi nhuận hơn 2 tỷ đồng/năm; giá trị thu nhập trồng hoa khoảng 2 tỷ đồng/năm.

1.3. Vùng nuôi thủy sản

Diện tích nuôi thủy sản hàng năm từ 120 - 125 ha; trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ từ 60 - 65 ha; sản lượng nuôi tôm đạt từ 230 - 250 tấn, doanh thu đạt từ 30 - 35 tỷ đồng (lãi khoảng 12 - 15 tỷ đồng); giá trị thu nhập bình quân nuôi tôm đạt từ 500 - 600 triệu đồng/ha. Đã chuyển đổi 8,4 ha đất trồng lúa qua nuôi tôm nước lợ; triển khai xây dựng 3 mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn đem lại hiệu quả bước đầu; Nuôi cá nước ngọt phát triển theo hướng bán thâm canh là chủ yếu và đa dạng về hình thức nuôi, góp phần tăng thu nhập cho người nuôi.

1.4. Phát triển chăn nuôi và mô hình nông lâm kết hợp

Mô hình nuôi lợn theo hướng công nghiệp ở vùng Khe Lấp - Phường 3 (quy mô 4.000 con/năm) đem lại hiệu quả cao; đã chú trọng phát triển mô hình nuôi gà thả vườn (quy mô từ 100 - 300 con/hộ), gắn với cải tạo vườn tạp, trồng cây ăn quả, cây dược liệu, ươm giống cây lâm nghiệp,...

(Đính kèm Phụ lục I: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Đề án phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2020)

2. Kết quả thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp đô thị**2.1. Chính sách hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, thiết bị**

- Triển khai lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung kết hợp du lịch sinh thái ở Khe Lấp, Phường 3; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

vùng trồng hoa tập trung phường Đông Giang; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng vùng nuôi tôm HTX Đông Giang 2, phường Đông Giang.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi; xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, cải tạo đồng ruộng, đường điện, hỗ trợ xây dựng bể nước, giếng khoan, nhà lưới, nhà màng để phục vụ sản xuất...

2.2. Chính sách hỗ trợ giống và chuyển giao KHCN, đào tạo, tập huấn

- Đã hỗ trợ giống lúa mới để thực hiện mô hình cánh đồng lớn; hỗ trợ giống rau để xây dựng vùng rau đạt tiêu chuẩn VietGAP; giống cây ăn quả và cây dược liệu cho vùng gò đồi; giống hoa các loại trồng trong nhà màng; giống con nuôi mới để xây dựng mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ...

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị đầu bờ để chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ KHCN về các mô hình cây trồng, con nuôi mới; áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, nông nghiệp hữu cơ, trồng rau trong nhà lưới, trồng hoa trong nhà màng; mô hình cánh đồng lớn,...

- Hỗ trợ đăng ký chứng nhận xây dựng vùng rau đạt tiêu chuẩn VietGAP (05 ha) ở HTX Đông Thanh; đăng ký xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm hoa An Lạc - phường Đông Giang, nhãn hiệu chứng nhận cho rau an toàn Đông Hà...

2.3. Chính sách hỗ trợ khi thiên tai, dịch bệnh

Đã hỗ trợ 19 tấn giống lúa, 200 kg giống ngô, 260 kg giống rau các loại để khôi phục sản xuất và phân bổ kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị thiệt hại với số tiền 1,02 tỷ đồng (trong đó ngân sách thành phố 82,7 triệu đồng).

1.4. Đánh giá nhu cầu và khả năng tham gia các mô hình nông nghiệp

Việc triển khai các chính sách đã góp phần đem lại kết quả tích cực, góp phần đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và xây dựng các mô hình theo hướng sạch, an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, nhà lưới, nhà màng; bước đầu đã xây dựng được các nhãn hiệu, tiêu chuẩn cho sản phẩm rau, hoa; xây dựng vùng rau đạt tiêu chuẩn VietGAP, tạo thuận lợi cho người nông dân liên kết, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở các mô hình đã khẳng định hiệu quả, nhu cầu và khả năng tham gia của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, trong thời gian tới các mô hình được tiếp tục khuyến khích phát triển, nhân rộng như: mô hình trồng rau trong nhà lưới, trồng hoa trong nhà màng, nuôi tôm 2 giai đoạn, mô hình nông nghiệp hữu cơ, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị...

3. Tình hình bố trí và huy động kinh phí thực hiện đề án

Tổng kinh phí huy động thực hiện đề án giai đoạn 2017 - 2020 đạt 23.475 triệu đồng, đạt 98,97% kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị: 20.317 triệu đồng, đạt 93,54% kế hoạch, chiếm 86,54% tổng kinh phí; kinh phí hỗ trợ giống, KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm: 3.158 triệu đồng, đạt 157,9%, chiếm 13,46% tổng kinh phí.

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 6.196 triệu đồng, chiếm 26,39% tổng kinh phí; Ngân sách thành phố: 12.264 triệu đồng, chiếm 52,24%; Nhân dân đóng góp, vốn khác: 5.015 triệu đồng, chiếm 21,36% tổng kinh phí

(Đính kèm Phụ lục II: Kinh phí thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2020)

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

- Ruộng đất còn manh mún, phân tán chưa được quy hoạch và đầu tư hoàn chỉnh; quy mô sản xuất nhỏ, chủ yếu là nông hộ. Đất trồng lúa của nông dân giảm dần do thu hồi để phát triển đô thị; thiếu lao động trẻ trong khu vực nông nghiệp.

- Đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế; mô hình nông nghiệp sạch, VietGAP, hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn về mặt sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...

- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp đô thị; việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khó khăn...

- Đội ngũ cán bộ chuyên môn ở cấp cơ sở còn thiếu và yếu, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện.

2. Nguyên nhân

- Do biến đổi khí hậu, tình hình khô hạn kéo dài, dịch bệnh trên cây trồng, con nuôi, thủy sản xảy ra liên tục đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

- Ở cấp phường không có biên chế công chức phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, chỉ bố trí cán bộ không chuyên trách, mức lương còn thấp; Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khó khăn, vai trò của HTX chưa phát huy nên ảnh hưởng đến việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Bà con nông dân trên địa bàn còn khó khăn về kinh tế nên thiếu mạnh dạn bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, sợ gặp nhiều rủi ro (do thiên tai, bão lũ), nhất là đối với các mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Do ngân sách thành phố còn hạn hẹp và không được hưởng chính sách đầu tư theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2025

I. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

1. Định hướng chung

- Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Quy hoạch ổn định các

vùng sản xuất và phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, tạo sản phẩm sạch, bảo đảm an toàn, chất lượng.

- Giảm dần diện tích trồng lúa; chuyển đổi một số diện tích trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng rau, hoa, cây trồng khác và nuôi thủy sản hiệu quả cao hơn; đưa giống lúa chất lượng cao vào sản xuất; thực hiện liên kết để phát triển mô hình lúa hữu cơ trên địa bàn.

- Phát triển, mở rộng diện tích các vùng trồng rau tập trung ở phường Đông Thanh, Đông Giang theo hướng sạch, hữu cơ, VietGAP, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; nhân rộng các mô hình trồng rau trong nhà lưới, nhà màng.

- Từng bước đầu tư, mở rộng vùng trồng hoa tập trung ở phường Đông Giang theo quy hoạch; du nhập giống hoa mới, chất lượng cao vào sản xuất trong nhà màng theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững các vùng nuôi tôm hiện có; rà soát, từng bước mở rộng diện tích ở các vùng có đủ điều kiện (phường Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương); ưu tiên phát triển, nhân rộng các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, áp dụng công nghệ biofloc; nuôi tôm 2 - 3 giai đoạn...

- Chú trọng phát triển kinh tế tổng hợp vùng gò đồi; đầu tư phát triển các mô hình nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm; các mô hình cây ăn quả, cây dược liệu có sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (vùng Khe Lấp - Phường 3; Phường 4...).

- Tạo thuận lợi về thủ tục hành chính, mặt bằng sản xuất để kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các mô hình cây trồng, con nuôi mới có sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm...

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Quy hoạch ổn định các vùng sản xuất, tập trung phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ và bền vững; đầu tư ứng dụng KHCN, nhất là công nghệ cao vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng ngành nông nghiệp. Gắn sản xuất nông nghiệp với xây dựng mỹ quan đô thị, du lịch trải nghiệm; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 1,5 - 2%.

- Giá trị trên 1 ha canh tác đến năm 2025 đạt khoảng 100 - 110 triệu đồng.

- Đầu tư chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang trồng rau, hoa từ 2 - 5 ha; xây dựng mới thêm 3.000 - 4.000 m² nhà lưới trồng rau an toàn, rau VietGAP.

- Đầu tư mở rộng thêm diện tích trồng hoa, cây cảnh 1 - 2 ha theo quy hoạch; xây dựng mới thêm 3.000 - 4.000 m² nhà màng trồng hoa ở vùng tập trung.

- Rà soát, chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi tôm nước lợ từ 4 - 6 ha; phát triển, nhân rộng thêm từ 6 - 8 mô hình nuôi tôm 2 - 3 giai đoạn.

- Thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng 2 - 3 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp sạch, hữu cơ; 1 - 2 mô hình nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Kêu gọi, thu hút 1 - 2 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn.

(Đính kèm Phụ lục III: Một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2020)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quy hoạch ổn định vùng sản xuất

- Tổ chức rà soát, quy hoạch và quy hoạch lại các vùng sản xuất tập trung phù hợp với phát triển đô thị, bảo đảm phát triển lâu dài, bền vững; tiến hành quy hoạch chi tiết để triển khai đầu tư từng giai đoạn, phù hợp với yêu cầu thị trường.

- Trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất cần xem xét giữ lại quỹ đất nông nghiệp màu mở để sản xuất rau, hoa; quỹ đất nông nghiệp có lợi thế để phát triển thủy sản (nuôi tôm nước lợ, nuôi cá nước ngọt), quỹ đất trồng lúa có khả năng chuyển đổi sang các loại cây trồng, con nuôi, thủy sản có hiệu quả cao; quỹ đất dành cho phát triển mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ...

- Cung cấp thông tin quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp hàng năm trên địa bàn đến các tổ chức, cá nhân; đồng thời hướng dẫn, tạo thuận lợi về thủ tục để triển khai thực hiện dự án đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp.

2. Đầu tư cơ sở hạ tầng và các điều kiện phục vụ sản xuất

Tranh thủ và huy động các nguồn lực (ngân sách Trung ương, tỉnh, thành phố, phường, doanh nghiệp, các HTX, hộ dân) để từng bước đầu tư phát triển, mở rộng diện tích các vùng sản xuất tập trung, trong đó ngân sách thành phố ưu tiên đầu tư các dự án, mô hình có lợi thế, cụ thể như:

- Từng bước đầu tư để hoàn thiện mặt bằng vùng trồng hoa, cây cảnh tập trung phường Đông Giang theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt (trước mặt tập trung đầu tư hoàn thiện 1-2 ha để đưa vào sản xuất).

- Đầu tư cơ sở hạ tầng mở rộng diện tích vùng nuôi tôm HTX Đông Giang 2 (Quy hoạch chi tiết và đầu tư hệ thống cấp nước cho diện tích 6-7 ha).

- Đầu tư cơ sở hạ tầng để mở rộng vùng trồng cây chanh leo và cây ăn quả ở Khe Lấp - Phường 3 theo hướng liên kết với doanh nghiệp (hệ thống điện, giếng khoan, hệ thống tưới...)

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình nhà lưới, nhà màng, nhà bong bóng, bể nước, giếng khoan cho các vùng trồng rau, trồng hoa, nuôi tôm nước lợ trên địa bàn.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, cấp thoát nước đến vùng sản xuất đối với các dự án nông nghiệp kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn.

- Ưu tiên thực hiện cải tạo đồng ruộng đối với các vùng sản xuất lúa hữu cơ thực sự cần thiết.

- Bố trí một phần kinh phí để đầu tư xây dựng, sửa chữa hoặc đổi ứng để xây dựng kênh mương có tính cấp bách, cần thiết.

- Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, tỉnh và kinh phí được phân bổ theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa để đầu tư các dự án, chương trình như:

+ Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng.

+ Dự án nuôi cá nước ngọt: HTX Phương Gia, Phú Lễ,...

+ Nạo vét các hói như: Hói Sòng, Hói Phú Lễ, Hói Chùa, Hói Tre, lòng hồ Khe Lấp và nâng cấp các hồ, đập...

3. Ứng dụng tiến bộ KH-CN, xây dựng các mô hình mới, nhân rộng các mô hình có hiệu quả

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào nông nghiệp, xây dựng các mô hình mới có hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, thâm canh cho từng loại cây trồng, con nuôi, thủy sản đã được định hướng phát triển; tổ chức tham quan học tập các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái...

- Từng bước mở rộng chương trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP); xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.

- Có giải pháp hỗ trợ truy xuất nguồn gốc nông sản đến các chủ thể sản xuất; đầu tư, vận hành các thiết bị phân tích nhanh sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả kiểm tra, giám sát vấn đề an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông nghiệp.

4. Tạo điều kiện để thu hút đầu tư vào nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm

- Có chính sách để huy động nguồn lực, thu hút doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình đầu tư vào nông nghiệp; xây dựng danh mục các dự án nông nghiệp cần kêu gọi đầu tư trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận, nghiên cứu về quy hoạch, đất đai; hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất nông nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu;

cho doanh nghiệp thuê đất đầu tư các dự án nông nghiệp, nhất là mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc nông sản cho các sản phẩm; hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường; các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

- Tạo thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn.

(Đính kèm Phụ lục IV: Danh mục các dự án nông nghiệp đề nghị TW, tỉnh hỗ trợ và kêu gọi đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025, có tính đến năm 2030).

5. Công tác tuyên truyền, vận động

- Hình thức tuyên truyền: Tập trung tuyên truyền, phổ biến đề án với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội; thông qua các hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề; phát hành sổ tay nông nghiệp đô thị,...

- Nội dung tuyên truyền: Tập trung tuyên truyền về vị trí, vai trò của nông nghiệp đô thị trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người nông dân đô thị; các chính sách phát triển nông nghiệp của Trung ương, của tỉnh và của thành phố; các mô hình nông nghiệp có hiệu quả cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cần triển khai nhân rộng ...

6. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và điều hành quản lý của chính quyền các cấp

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể từ thành phố đến các phường, khu phố tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung đề án gắn với triển khai thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tạo sự đồng thuận trong nhận thức và hành động của cán bộ, nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để cụ thể hóa các nội dung của đề án phù hợp với thực tiễn của địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm chỉ đạo triển khai thực hiện đề án; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong việc thực hiện đề án.

7. Đổi mới, phát triển tổ hợp tác, HTX

- Cùng cố, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp, tổ hợp tác theo hướng làm tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra cho thành viên, góp phần thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, trong đó chú trọng các chuỗi giá trị đối với cây trồng, con nuôi có lợi thế như cây rau, cây hoa, nuôi tôm nước lợ, lúa hữu cơ, các sản phẩm OCOP...

- Khuyến khích người dân (có đất, nhưng không còn khả năng lao động) ký hợp đồng cho thuê hoặc góp đất với các HTX, doanh nghiệp (có vốn, công nghệ, ...) để đầu tư sản xuất.

III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ

1. Chính sách hỗ trợ đối với cây trồng, con nuôi có lợi thế, có hiệu quả kinh tế

Tập trung hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị sản xuất, vật tư thiết yếu và áp dụng, chuyển giao công nghệ để triển khai xây dựng các dự án, mô hình có hiệu quả kinh tế (đã được khẳng định trong thực tế), nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Đông Hà.

1.1. Đối tượng hỗ trợ

- Các HTX, tổ hợp tác, trang trại, gia trại, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Các doanh nghiệp kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định (ưu tiên các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mô hình nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm, xử lý môi trường, liên kết theo chuỗi giá trị,...) và chưa được hưởng các chính sách do Trung ương, tỉnh hỗ trợ, thì tùy theo từng dự án cụ thể và điều kiện ngân sách để thành phố xem xét, thống nhất có sự hỗ trợ phù hợp.

1.2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp Trung ương, tỉnh đã có chính sách hỗ trợ thì thành phố sẽ hỗ trợ một số khâu còn lại trong quy trình sản xuất và quy mô phát triển mà Trung ương, tỉnh chưa hỗ trợ.

- Trên cơ sở điều kiện ngân sách thành phố hàng năm để xem xét hỗ trợ những nội dung ưu tiên và cần thiết.

1.3. Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, mô hình phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp của thành phố.

- Phải có đăng ký, cam kết thực hiện và được cấp có thẩm quyền chấp nhận.

- Quy mô của dự án, mô hình phải đáp ứng các điều kiện, *cụ thể như sau:*

+ Mô hình trồng rau trong nhà lưới có quy mô tối thiểu 300 m² ở vùng trồng rau tập trung.

+ Mô hình trồng hoa trong nhà màng có quy mô tối thiểu 100 m² ở vùng trồng hoa tập trung hoặc trồng hoa vùng riêng lẻ có diện tích từ 1.000 m² trở lên.

+ Mô hình trồng cây ăn quả, cây dược liệu có quy mô tối thiểu 0,5 ha.

+ Mô hình nuôi tôm nước lợ, nuôi thủy sản nước ngọt có quy mô tối thiểu 0,5 ha; mô hình nuôi tôm 2 - 3 giai đoạn có bể ương tôm giống lót bạt, kích thước tối thiểu 100 m².

+ Mô hình chăn nuôi hữu cơ đối với lợn phải có quy mô tối thiểu 100 con/lứa; gia cầm có quy mô tối thiểu 1.500 con/lứa.

+ Dự án, mô hình nông nghiệp tổng hợp: Bao gồm nhiều lĩnh vực cây trồng, con nuôi khác nhau, có thể kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm; tổng diện tích đất sản xuất tối thiểu phải đạt 01 ha.

1.4. Nội dung và định mức hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ vật tư nông nghiệp thiết yếu và chuyển giao KHCN

- *Dự án, mô hình nông nghiệp hữu cơ*: Hỗ trợ 80% chi phí mua giống và không quá 50% chi phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn hữu cơ cho vụ sản xuất đầu tiên đối với các dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình. Đối với sản xuất lúa hữu cơ hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha; đối với rau, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu hữu cơ hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ha.

- *Dự án, mô hình sản xuất trong nhà màng, nhà kính, nhà lưới; sản xuất theo quy trình VietGAP; sản xuất có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm*: Hỗ trợ 80% chi phí mua giống và không quá 50% chi phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vụ sản xuất đầu tiên. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

- *Dự án, mô hình cây trồng, con nuôi mới*: Hỗ trợ 80% chi phí mua giống và không quá 50% chi phí mua phân bón (hoặc thức ăn chăn nuôi, thủy sản), thuốc bảo vệ thực vật (hoặc thuốc thú y) cho mô hình trình diễn giống cây trồng, giống con nuôi, giống thủy sản mới du nhập vào địa bàn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình.

- *Mô hình cánh đồng lớn (đối với cây lúa)*: Khuyến khích các HTX nhân rộng mô hình cánh đồng lớn (quy mô tối thiểu 20 ha, liền vùng liền khoảnh, gieo cùng một loại giống, cùng một quy trình sản xuất) và thực hiện hỗ trợ theo chính sách của tỉnh Quảng Trị.

- *Tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ*: Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để triển khai các nội dung đề án (ưu tiên các dự án, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, VietGAP, mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, mô hình giống mới, nhân rộng mô hình có hiệu quả, áp dụng văn bản pháp luật mới, các biện pháp phòng chống, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản...).

- *Xây dựng tiêu chuẩn, đánh giá chứng nhận sản phẩm*: Thực hiện theo chính sách của tỉnh. Trường hợp dự án chưa được tỉnh hỗ trợ thì ngân sách thành

phổ hỗ trợ 100% chi phí lần đầu và 50% chi phí cấp lại cho sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế (VietGAP, GAP khác, sản phẩm hữu cơ, chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh...), mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

- Khi thực hiện nhân rộng các mô hình có hiệu quả: Chính sách hỗ trợ không quá 50% so với định mức chính sách hỗ trợ mô hình thí điểm hoặc mô hình trình diễn (riêng chính sách tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ được hỗ trợ 100% chi phí).

b) Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị sản xuất

- Hỗ trợ 100% chi phí lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất tập trung.

- Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư hệ thống điện; 50% chi phí xây dựng bể nước, giếng khoan, hệ thống tưới tiết kiệm phục vụ sản xuất nông nghiệp tại các vùng sản xuất tập trung.

- Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý dự án và 60% chi phí xây dựng nhà lưới, nhà kính, nhà bóng bóng có thiết bị sản xuất (trên lĩnh vực trồng rau, hoa, nuôi tôm nước lợ), nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 3 dự án.

- Hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án để xây dựng bể ương tôm giống có lót bạt (theo quy trình nuôi tôm 2 - 3 giai đoạn, có diện tích bể từ 100 - 500 m², sản xuất tối thiểu 01 triệu tôm ương qua 25 ngày tuổi/năm). Mỗi năm hỗ trợ không quá 2 dự án.

- Hỗ trợ 50%, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án để mua máy móc, thiết bị đóng gói, bảo quản, sơ chế, chế biến sản phẩm cho dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP (nếu có).

2. Chính sách hỗ trợ đảm bảo các điều kiện sản xuất

Để tiếp tục duy trì sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống người nông dân, thành phố tiếp tục tranh thủ các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và ngân sách thành phố để triển khai các chính sách hỗ trợ, gồm:

- Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn (tùy vào điều kiện ngân sách hàng năm):

+ Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư nâng cấp hồ đập, trạm bơm điện, kênh cấp, kênh tiêu, thoát nước cho vùng sản xuất tập trung.

+ Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hệ thống tưới (bể lắng, giếng khoan, hệ thống tưới tiết kiệm), cải tạo đồng ruộng (đối với vùng lúa hữu cơ), xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa hệ thống kênh mương nội đồng bị hư hỏng do thiên tai (trong trường hợp thực sự cấp bách, cần thiết).

- Chính sách liên kết và tiêu thụ sản phẩm thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách có liên quan của tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày

20/7/2019 của HĐND tỉnh khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách có liên quan của tỉnh Quảng Trị, của thành phố.

- Chính sách hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay thực hiện theo chính sách của Trung ương, của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp.

(Đính kèm Phụ lục V: Dự kiến vốn đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp đến năm 2025)

IV. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến kinh phí thực hiện đề án: 27.600 triệu đồng.

(Không bao gồm vốn đề nghị ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ và vốn kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp)

- Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng: 23.600 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện các chính sách khác: 4.000 triệu đồng.

2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện đề án:

- Vốn ngân sách thành phố: 18.600 triệu đồng

- Nhân dân đóng góp, vốn khác: 9.000 triệu đồng

3. Phân kỳ thực hiện

- Ngân sách thành phố đầu tư giai đoạn 2021 - 2025: 18.600 triệu đồng

+ Ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư CSHT: 15.600 triệu đồng

+ Ngân sách thành phố thực hiện các chính sách khác (giống, vật tư thiết yếu và chuyển giao KH-CN): 3.000 triệu đồng

- Phân kỳ kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố qua các năm giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

(Đính kèm Phụ lục VI: Kế hoạch phân kỳ đầu tư Đề án phát triển nông nghiệp đô thị đến năm 2025)

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

Sau khi phê duyệt đề án đến ngày 31/12/2025.

2. Quy trình thực hiện

2.1. Xây dựng kế hoạch

- Hàng năm UBND phường thông báo, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân xác định nhu cầu và đăng ký danh mục các dự án, công trình để UBND phường tổng hợp, gửi về Phòng Kinh tế trước ngày 30/5.

- Phòng Kinh tế tổng hợp danh mục dự án, công trình, chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan kiểm tra, đề xuất UBND thành phố xem xét cho chủ trương thực hiện theo đúng quy định.

2.2. Cơ chế thực hiện

- Căn cứ vào nguồn vốn ngân sách bố trí, tính chất của các dự án, công trình, UBND thành phố xem xét quyết định chủ đầu tư theo đúng quy định.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình phê duyệt, triển khai thực hiện các công trình, dự án theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với các công trình sử dụng vốn đối ứng, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức họp, thống nhất về chủ trương đầu tư, tổng dự toán được phê duyệt và tiến hành thu tiền đối ứng để triển khai thực hiện.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp các phòng, ban ngành thành phố liên quan, UBND các phường tham mưu cho UBND thành phố triển khai nội dung đề án này; phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện đề án; kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Ưu tiên triển khai các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; các giống mới chất lượng cao phù hợp với nông nghiệp đô thị; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Phối hợp vận động và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng, các tổ chức có bếp ăn tập thể, các nhà hàng... ký kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ hàng năm.

- Chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch lập kế hoạch kinh phí theo nội dung của đề án trình UBND thành phố xem xét, quyết định. Tiến hành sơ,

tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo; tổng hợp, báo cáo HĐND và UBND thành phố.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế trình UBND, HĐND thành phố xem xét, quyết định phân bổ nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; bố trí nguồn vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện các nội dung của đề án; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình của đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu UBND thành phố tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp (ưu tiên nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm...).

3. Phòng Quản lý đô thị

Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND thành phố giải quyết các vấn đề liên quan đến quy hoạch xây dựng cho phát triển nông nghiệp đô thị, tổ chức công khai quy hoạch đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền của UBND thành phố. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, tính khả thi của quy hoạch, thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, các địa phương rà soát, kiểm soát và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn.

- Hướng dẫn thực hiện các thủ tục tập trung, tích tụ đất nông nghiệp, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo vệ môi trường cho các dự án, mô hình nông nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật.

5. Các Trạm chuyên ngành (Trồng trọt-BVTV, Khuyến nông, Thú y)

Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện đề án; theo dõi, triển khai các chương trình khuyến nông, khoa học công nghệ, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp.


6. UBND các phường

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện đề án.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và hỗ trợ kinh phí từ ngân sách phường để triển khai thực hiện một số nội dung của đề án trên địa bàn phường; tổng hợp, đăng ký và chỉ đạo tổ chức thực hiện các chương trình tại địa phương. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

7. Đề nghị UBMT, các đoàn thể thành phố

- Tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện đề án; phát động phong trào thi đua xây dựng các mô hình nông nghiệp đô thị có hiệu quả; tăng cường phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức thực hiện đề án gắn với chuyển đổi nghề, giải quyết công ăn việc làm, góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống người nông dân, các đoàn viên, hội viên.

- Huy động thành lập các quỹ hội theo quy định để hỗ trợ các đoàn viên, hội viên thực hiện các chương trình, dự án, các công trình theo Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2025. 

Nơi nhận:

- TT.Thành ủy, TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các ĐB HĐND TP;
- UBND các phường;
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Dũng

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ
THỊ ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Đề án số: 2269/ĐA-UBND ngày.....25../M../2020 của UBND thành phố)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện 2020	Kết quả
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020	%/năm	2	3,22	Vượt KH
2	Giá trị thu nhập bình quân/ha	Triệu đồng	90	78,8	Không Đạt KH
3	Diện tích lúa (giảm còn)	Ha	800-850	1.000	
-	Tỷ lệ lúa chất lượng cao	%	85-90	90	Đạt KH
-	Mô hình sản xuất lúa giống tập trung (10 ha trở lên)	Mô hình	1	1	Đạt KH
-	Mô hình cánh đồng lớn (20 ha trở lên)	Mô hình	3	3	Đạt KH
4	Diện tích trồng rau các loại	Ha	170-180	175	Đạt KH
-	Diện tích rau tập trung	Ha	25-30	28	Đạt KH
-	Diện tích rau được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trong sản xuất	Ha	20-25	25	Đạt KH
-	Diện tích rau VietGAP	Ha	10-12	5	Không đạt KH
5	Diện tích trồng hoa, cây cảnh	Ha	10-12	10	Đạt KH
-	Quy mô, số lượng hoa chậu	Chậu	28.000-30.000	45.000	Vượt KH
-	Mô hình ứng dụng công nghệ mới, giống hoa mới, có chất lượng cao	Mô hình	1-2	3	Vượt KH
6	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	130-140	124	Không đạt KH
-	Diện tích nuôi tôm	Ha	65-70	66	Đạt KH, đào mới 8,4 ha
-	Diện tích nuôi cá nước ngọt	Ha	65-70	58	Không đạt KH
7	Gia súc, gia cầm (duy trì)				
-	Đàn trâu, bò	Con	1.600-1.700	1.300	Không đạt KH
-	Đàn lợn	con	8.000-8.500	4.000	Không đạt KH
-	Đàn gia cầm	con	55.000-60.000	55.000	Đạt KH
-	Mô hình chăn nuôi bò có chuồng trại tập trung gắn với trồng cỏ quy mô trên 100 con	Mô hình	1	0	Phường 4 không thực hiện

Phụ lục II
KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ
ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Đề án số: ...2.269/ĐA-UBND ngày...25./...M.../2020 của UBND thành phố)

TT	Kinh phí thực hiện Đề án	Kế hoạch kinh phí giai đoạn 2017-2020 (Trđ)	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2017-2020 (Trđ)	So sánh(%) thực hiện/kế hoạch	Cơ cấu nguồn vốn TH (%)
1	Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị	21.720	20.317	93,54	100
-	Ngân sách TW, tỉnh	3.940	5.796	147,11	28,53
-	Ngân sách Thành phố	9.816	10.331	105,25	50,85
-	Nhân dân đóng góp, vốn khác	7.964	4.190	52,61	20,62
2	Kinh phí thực hiện các chính sách (Hỗ trợ giống, KHHCN, đào tạo, tập huấn...)	2.000	3.158	157,90	100
-	Ngân sách TW, tỉnh	0	400		12,67
-	Ngân sách Thành phố	2.000	1.933	96,65	61,21
-	Nhân dân đóng góp, vốn khác	0	825		26,12
3	Tổng kinh phí thực hiện	23.720	23.475	98,97	100
-	Ngân sách TW, tỉnh	3.940	6.196	157,26	26,39
-	Ngân sách Thành phố	11.816	12.264	103,79	52,24
-	Nhân dân đóng góp, vốn khác	7.964	5.015	62,97	21,36

Phụ lục III

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Đề án số 2269/ĐA-UBND ngày...25.../...M.../2020 của UBND thành phố)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2025	Ghi chú
I	SẢN XUẤT LÚA				
1	Diện tích canh tác lúa	Ha	1.000	800	P.Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương
2	Diện tích lúa chất lượng cao	ha	900	750	
-	<i>Cánh đồng lớn</i>	ha	60	110	
-	<i>Lúa hữu cơ</i>	ha	12	60	
3	Sản lượng lúa	tấn	9.500	8.000	
II	RAU, HOA, CÂY CẢNH				
1	Diện tích rau các loại	ha	160	165	Các phường
-	<i>Rau VietGAP</i>	ha	5	5	P.Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương
-	<i>Nhà màng trồng rau</i>	m2	500	5.000	P.Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương
2	Diện tích trồng hoa, cây cảnh	ha	10	15	P.Đông Giang, Đông Thanh, Phường 2
-	<i>Nhà màng trồng hoa</i>	m2	1.000	5.000	P.Đông Giang
III	THỦY SẢN				
1	Diện tích nuôi thủy sản	ha	124	130	Các phường
-	<i>Diện tích tôm</i>	ha	66	70	P.Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương
-	<i>Nuôi tôm 2-3 giai đoạn</i>	mô hình	3	10	
-	<i>Diện tích cá nước ngọt</i>	ha	58	62	Các phường
2	Sản lượng thủy sản				
-	<i>Sản lượng tôm</i>	tấn	160	250	
-	<i>Sản lượng cá nước ngọt</i>	tấn	150	200	
IV	NÔNG NGHIỆP+DỊCH VỤ				
1	Nuôi cá + Dịch vụ (cá-sen-dịch vụ)	mô hình	3	7	P.Đông Lễ, Đông Lương
3	Trồng hoa, cây ăn quả + Dịch vụ	mô hình	1	3	P.Đông Giang, Đông Thanh, Phường 2
V	NÔNG LÂM KẾT HỢP-CHĂN NUÔI				
1	Nông lâm kết hợp	mô hình	5	10	Phường 3,4, Đ.Lễ
2	Đàn trâu bò	con	1.300	800	
3	Đàn lợn	con	4.000	6.000	
4	Đàn gia cầm	con	55.000	60.000	

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ĐỀ NGHỊ TW, TỈNH HỖ TRỢ VÀ KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, CÓ TÍNH ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Đề án số: 2269/ĐA-UBND ngày 25/11/2020 của UBND thành phố)

TT	Danh mục dự án	Quy mô, số tương	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
I	DANH MỤC ĐỀ NGHỊ TW, TỈNH HỖ TRỢ			30.000	
1	Chương trình Kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng (xây mới, nâng cấp)		Tại các HTX nông nghiệp	10.000	Đề nghị TW, tỉnh hỗ trợ và nguồn kinh phí quản lý, sử dụng đất trồng lúa (NĐ35/CP); nhân dân đóng góp.
2	Nạo vét các hói: Hói Sông, Hói Chùa, Hói Phú Lễ, Hói Tre, lòng hồ Khe Lấp và nâng cấp hồ, đập		Tại các HTX nông nghiệp	15.000	Đề nghị TW, tỉnh hỗ trợ và nguồn kinh phí khác phục hậu quả thiên tai
3	Dự án Nuôi cá nước ngọt	5 ha	HTX Phú Lễ, phường Đông Lễ	3.000	Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020
4	Dự án Nuôi cá nước ngọt	3,2 ha	HTX Phương Gia, phường Đông Lễ	2.000	
II	DANH MỤC KÊU GỌI ĐẦU TƯ			35.000	
1	Dự án Trồng rau ứng dụng công nghệ cao	3 ha	Khu phố 3, phường Đông Thanh	5.000	Hiện trạng là đất trồng rau màu. UBND thành phố đã có chủ trương cho giữ lại trồng rau màu (Công văn số 1731/UBND-VP ngày 16/7/2019)
2	Dự án Nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao	4 ha	HTX Vĩnh Phước, Đại Áng, phường Đông Lương	4.000	Hiện trạng là đất nhà nước đã giao cho các hộ gia đình theo NĐ64/CP, phù hợp quy hoạch
3	Dự án Nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao	3 ha	HTX Lập Thạch, phường Đông Lễ	2.000	Hiện trạng là nuôi tôm nước lợ, phù hợp quy hoạch.
4	Dự án Nuôi cá kết hợp trồng sen và dịch vụ	2 ha	HTX Vĩnh Phước, phường Đông Lương	2.000	Hiện trạng là đất nhà nước quản lý, phù hợp quy hoạch
5	Dự án Nuôi cá nước ngọt kết hợp dịch vụ	5 ha	Khu phố Lai Phước, phường Đông Lương (vùng Bàu ngoài)	3.000	Hiện trạng là đất nhà nước quản lý, phù hợp quy hoạch

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quy mô, số lượng	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
6	Dự án Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung kết hợp du lịch sinh thái	8,1 ha	Khu vực Khe Láp, Phường 3	5.000	Nằm trong danh mục thu hút đầu tư chung của Thành phố (Công văn số 1269/UBND-VP ngày 16/7/2019)
7	Dự án Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp - dịch vụ ven Hói Chùa	10 ha	Khu phố 4, 5, phường Đông Thanh	6.000	Hiện trạng là đất trồng lúa và trồng màu. Theo QH 1/2000 khu vực quy hoạch chủ yếu đất trồng lúa
8	Dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao khu vực phía Bắc đường Quốc lộ 9D	7 ha	Phường 4	8.000	Hiện trạng do địa phương quản lý, phù hợp quy hoạch.
	CỘNG (I+II)			65.000	

Phụ lục V

**DỰ KIẾN VỐN ĐẦU TƯ CSHT PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Đề án số: ...2.269/ĐA-UBND ngày... 25.../...M.../2020 của UBND thành phố)

TT	Nội dung hạng mục	Quy mô	Vốn đầu tư (Triệu đồng)		
			Tổng số	Trong đó	
				Ngân sách TP	ND đóng góp
1	Đầu tư CSHT vùng trồng hoa, cây cảnh tập trung phường Đông Giang (GPMB, san lấp, điện, cấp nước...)	2 ha	6.000	6.000	
2	Đầu tư CSHT mở rộng diện tích nuôi tôm HTX Đông Giang 2 (đường điện, trạm bơm, hệ thống cấp nước...)	6 ha	2.500	1.000	1.500
3	Đầu tư CSHT vùng trồng chanh leo, cây ăn quả và dược liệu ở Khe Lấp, Phường 3 (điện, giếng khoan...)	20 ha	1.000	500	500
4	Xây dựng kênh cấp nước ngọt vùng nuôi tôm Đông Lễ (Lập Thạch, Vân An)	250 m	600	600	
5	Xây dựng nhà lưới, nhà màng trồng rau, hoa và thiết bị sản xuất	8.000 m ²	3.000	1.800	1.200
6	Xây dựng bể nước, giếng khoan, hệ thống tưới tiết kiệm		1.000	500	500
7	Xây dựng mô hình nuôi tôm 2-3 giai đoạn (bể ương tôm giống lót bạt)	8 mô hình	3.200	1.600	1.600
8	Quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất tập trung		600	600	
9	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm, kênh mương và kinh phí đối ứng công trình (cấp bách, cần thiết)		1.700	1.000	700
10	Thực hiện cải tạo đồng ruộng (vùng lúa hữu cơ)		1.000	500	500
11	Hỗ trợ xây dựng hệ thống điện, cấp thoát nước đến chân hàng rào dự án (các dự án nông nghiệp kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn).	2-3 dự án	3.000	1.500	1.500
CỘNG			23.600	15.600	8.000

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH PHÂN KỲ ĐẦU TƯ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Đề án số: 2269/ĐA-UBND ngày 25/.../M.../2020 của UBND thành phố)

TT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó		Phân kỳ theo năm (ngân sách thành phố)				
			NS thành phố	ND đóng góp	2021	2022	2023	2024	2025
I	Kinh phí đầu tư CSHT, thiết bị sản xuất	23.600	15.600	8.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.600
II	Kinh phí thực hiện chính sách khác (hỗ trợ vật tư nông nghiệp thiết yếu và chuyển giao KHCN)	4.000	3.000	1.000	600	600	600	600	600
1	Hỗ trợ vật tư nông nghiệp thiết yếu (giống, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, thủy sản...)	3.250	2.250	1.000	450	450	450	450	450
2	Hỗ trợ chuyển giao KHKT, tập huấn, hội thảo, hội nghị đầu bờ, học tập kinh nghiệm...	750	750	-	150	150	150	150	150
III	Tổng (I+II)	27.600	18.600	9.000	3.600	3.600	3.600	3.600	4.200